



**DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 17.4.2026 - TRÌNH ĐỘ HSK 6 - LR 1.2**

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H62617850200000001	NGUYEN DIEU HUYEN	女	1993-10-11	001193028383	LR 1.2	
2	H62617850200000002	CAO GIA HUY	男	2004-03-14	001204014697	LR 1.2	
3	H62617850200000003	CHU MY NGA	女	2000-07-29	001300068905	LR 1.2	
4	H62617850200000004	NGUYEN THI VIET	女	2001-01-14	001301033362	LR 1.2	
5	H62617850200000005	BUI NGUYET ANH	女	2003-09-30	001303007205	LR 1.2	
6	H62617850200000006	NGUYEN NHAT ANH	女	2004-07-18	001304013916	LR 1.2	
7	H62617850200000007	DAM THI NGA	女	2004-09-22	001304031645	LR 1.2	
8	H62617850200000008	NGUYEN LE HA ANH	女	2005-10-07	001305014703	LR 1.2	
9	H62617850200000009	NGUYEN MINH THU	女	2008-08-22	001308017250	LR 1.2	
10	H62617850200000010	NGUYEN MINH PHUONG	女	2008-12-26	001308045681	LR 1.2	
11	H62617850200000011	NGUYEN TRA MY	女	2008-04-30	001308045848	LR 1.2	
12	H62617850200000012	LE PHUONG ANH	女	2008-03-07	001308046634	LR 1.2	
13	H62617850200000013	NGUYEN DANG HA ANH	女	2008-10-04	001308054959	LR 1.2	
14	H62617850200000014	NONG THI NGAN	女	1995-09-15	002195009314	LR 1.2	
15	H62617850200000015	NGUYEN KHANH NGOC	女	2008-08-25	010308005761	LR 1.2	
16	H62617850200000016	NGUYEN BUI AN BINH	女	2009-09-02	015309005796	LR 1.2	
17	H62617850200000017	TRAN TRA GIANG	女	1999-12-05	019199000528	LR 1.2	
18	H62617850200000018	VUONG THAI SON	男	1991-03-16	022091010022	LR 1.2	
19	H62617850200000019	DO THI TRA MY	女	2008-11-07	022308002027	LR 1.2	
20	H62617850200000020	TRAN HA PHUONG ANH	女	2008-09-16	022308006975	LR 1.2	
21	H62617850200000021	NGUYEN ANH TU	男	1988-02-08	024088020851	LR 1.2	
22	H62617850200000022	HOANG VAN DUNG	男	2000-09-25	024200004545	LR 1.2	
23	H62617850200000023	TRAN TUAN PHONG	男	2008-01-07	024208001798	LR 1.2	
24	H62617850200000024	DOAN GIA LINH	女	2008-08-04	024308000327	LR 1.2	
25	H62617850200000025	NGUYEN KIM YEN	女	1991-07-02	025191011020	LR 1.2	
26	H62617850200000026	DUONG THI CHAU GIANG	女	2008-01-14	026308010892	LR 1.2	
27	H62617850200000027	NGUYEN THI VUNG	女	2008-02-24	027308000645	LR 1.2	
28	H62617850200000028	NGHIEM THI HONG NHUNG	女	2008-02-29	027308003346	LR 1.2	
29	H62617850200000029	DOAN VU HA GIANG	女	2008-11-28	027308007892	LR 1.2	
30	H62617850200000030	VU PHUONG MAI	女	1998-09-22	034198001999	LR 1.2	
31	H62617850200000031	NGUYEN NGOC HA	女	2008-12-18	034308008734	LR 1.2	
32	H62617850200000032	TRAN THI HOA	女	1998-06-12	035198000505	LR 1.2	
33	H62617850200000033	NGUYEN THI BICH NGOC	女	1994-03-08	036194016387	LR 1.2	
34	H62617850200000034	NGUYEN THI BICH NGOC	女	2002-02-15	036302000136	LR 1.2	
35	H62617850200000035	NGUYEN PHUONG HANH	女	2008-08-26	037308004667	LR 1.2	
36	H62617850200000036	THIEU THI LAN HUONG	女	1999-11-06	038199006011	LR 1.2	
37	H62617850200000037	LE THI DUNG	女	2001-09-19	038301005268	LR 1.2	
38	H62617850200000038	VU THI MINH HONG	女	2008-02-15	038308012104	LR 1.2	
39	H62617850200000039	LAI NGOC ANH	女	2009-11-26	038309003910	LR 1.2	
40	H62617850200000040	NGUYEN THI LY NA	女	2003-06-09	040303005823	LR 1.2	
41	H62617850200000041	LE NHU NGOC	女	2002-12-12	084302005337	LR 1.2	
42	H62617850200000042	PHAM PHUONG THAO	女	2005-04-19	P02125407	LR 1.2	